

KẾ HOẠCH

Thực hiện chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế tỉnh Tiền Giang năm 2025 đạt từ 8% trở lên

Năm 2025 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là năm tăng tốc, bứt phá, về đích, là năm cuối thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025, thực hiện cuộc cách mạng về tinh gọn tổ chức bộ máy, tiến hành Đại hội Đảng các cấp, tiến tới Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và chuẩn bị, củng cố các yếu tố nền tảng, làm tiền đề để nước ta tự tin bước vào kỷ nguyên mới, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 của đất nước. Trong khi đó, tình hình thế giới, khu vực dự báo tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường; kinh tế toàn cầu phục hồi chậm, không đồng đều, thiếu vững chắc, rủi ro gia tăng. Nền kinh tế nước ta dự báo duy trì đà tăng trưởng tích cực, tuy nhiên, có những thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen.

Năm 2024, tỉnh Tiền Giang thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội đạt được nhiều kết quả nổi bật, tích cực trên nhiều lĩnh vực, nhiều chỉ tiêu đạt cao. Tuy nhiên, vẫn còn một số khó khăn, hạn chế như tình hình thiên tai, tác động của biến đổi khí hậu ngày càng diễn biến phức tạp, khó lường ảnh hưởng đến đời sống Nhân dân và sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp; việc liên kết từ khâu sản xuất đến tiêu thụ trong nông nghiệp chưa bền vững; các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh phần lớn là doanh nghiệp nhỏ và vừa nên sức cạnh tranh chưa cao; xuất khẩu tăng trưởng chủ yếu ở nhóm hàng do khối doanh nghiệp FDI sản xuất,...

Trong bối cảnh đó, nhằm thực hiện thắng lợi mục tiêu cùng cả nước đạt mức tăng trưởng năm 2025 đạt 8% trở lên, tạo nền tảng vững chắc để đạt tốc độ tăng trưởng hai con số trong giai đoạn 2026-2030, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh xây dựng kế hoạch thực hiện chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2025 của tỉnh từ 8% trở lên như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Năm 2025 quyết tâm đạt kết quả cao nhất các mục tiêu, chỉ tiêu của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 và giai đoạn 5 năm 2021 - 2025. Tiếp tục ưu tiên thúc đẩy tăng trưởng kinh tế; tập trung thực hiện tốt các cơ chế, chính sách của Trung ương, của tỉnh, đáp ứng tốt nhất cho yêu cầu đổi mới sáng tạo, tạo đột phá phát triển trong tình hình mới. Thực hiện cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực thực chất, hiệu quả gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng. Đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các công trình, dự án kết cấu hạ tầng, khai thác hiệu quả không gian phát triển mới, động lực phát triển mới ngoài các động

lực truyền thống. Chú trọng xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là những ngành, lĩnh vực ưu tiên, mới nổi; thúc đẩy mạnh mẽ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyên đổi số, kinh tế xanh, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn gắn với bảo đảm an ninh, an toàn để thúc đẩy phát triển. Phát triển văn hóa, xã hội gắn kết chặt chẽ, hài hòa với phát triển kinh tế; bảo đảm an sinh xã hội, cải thiện đời sống Nhân dân. Tiếp tục hoàn thiện, xây dựng bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Đẩy mạnh cắt giảm thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; tăng cường phân cấp, phân quyền thực chất, hiệu quả; siết chặt kỷ luật, kỷ cương, đề cao trách nhiệm người đứng đầu. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; làm tốt hơn nữa công tác truyền thông chính sách, thông tin, tuyên truyền, nâng cao hiệu quả công tác dân vận, tạo đồng thuận xã hội. Đảm bảo quốc phòng; giữ vững an ninh trật tự, an toàn xã hội; đẩy mạnh đối ngoại và hội nhập quốc tế.

2. Mục tiêu cụ thể

- Tăng trưởng kinh tế (GRDP theo giá so sánh 2010) đạt 8,0% trở lên;
- Cơ cấu kinh tế: khu vực nông, lâm, ngư nghiệp chiếm 35,8%; khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 28,8%; khu vực dịch vụ (bao gồm thuế sản phẩm) chiếm 35,4%;
- Tổng kim ngạch xuất khẩu đạt 7,0 tỷ USD;
- Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội đạt 57.350 tỷ đồng; - Các chỉ tiêu còn lại tại điểm a khoản 2 mục I Điều 1 Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 09/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Tiền Giang năm 2025 được giữ nguyên như Nghị quyết số 31/NQ-HĐND.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Nhiệm vụ, giải pháp chung

Quán triệt, tổ chức triển khai thực hiện toàn diện, hiệu quả Kết luận số 123-KL/TW ngày 24/01/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về Đề án bổ sung về phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 với mục tiêu tăng trưởng đạt 8% trở lên; Nghị quyết số 25/NQ-CP ngày 05/02/2025 của Chính phủ về mục tiêu tăng trưởng các ngành, lĩnh vực và địa phương bảo đảm mục tiêu tăng trưởng cả nước năm 2025 đạt 8% trở lên; Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 09/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Tiền Giang năm 2025; Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 17/02/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về điều chỉnh điểm a khoản 2 mục I Điều 1 Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 09/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Tiền Giang năm 2025; Quyết định số 77/QĐ-TTg ngày 12/01/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Tiền Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Kế hoạch số 22/KH-UBND ngày 17/01/2025 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP, Nghị quyết số 02/NQ-CP, Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2025.

2. Nhiệm vụ, giải pháp đột phá cụ thể (*Chi tiết kịch bản tăng trưởng các ngành theo Phụ lục 1*)

2.1. Cung cấp kịp thời số liệu KT-XH phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh; đẩy mạnh gỡ gỡ doanh nghiệp, tập trung đầu tư cho 02 vùng phát triển trọng điểm của tỉnh

- *Giao Cục Thống kê chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan:*

Khảo sát tình hình hoạt động của các doanh nghiệp, trong đó tập trung vào các doanh nghiệp có đóng góp lớn cho tăng trưởng GRDP của tỉnh. Phối hợp với Tổng cục Thống kê kịp thời cung cấp số liệu theo định kỳ hàng tháng, quý, 06 tháng, 09 tháng, năm theo quy định.

- *Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan:*

+ Xây dựng kế hoạch gỡ gỡ doanh nghiệp để động viên, tháo gỡ kịp thời khó khăn, vướng mắc. Phát triển doanh nghiệp đạt từ 910-950 doanh nghiệp.

+ Tổ chức Hội nghị triển khai những định hướng phát triển theo Quy hoạch tỉnh và tập trung đầu tư kết cấu hạ tầng, thu hút đầu tư nhất là 2 vùng phát triển trọng điểm của tỉnh: vùng công nghiệp Tân Phước và vùng công nghiệp Gò Công. Nghiên cứu xây dựng đề án thành lập Khu kinh tế Gò Công để trình Trung ương. Trong đó, trước mắt tập trung đầu tư, thu hút đầu tư các dự án đã có chủ trương đầu tư và mời gọi nhà đầu tư có năng lực để khai thác các dự án mời gọi đầu tư của tỉnh. Sớm hoàn thiện thủ tục quy hoạch đầu tư để mời gọi đầu tư Cảng biển Tiền Giang ở huyện Gò Công Đông.

2.2. Thực hiện mục tiêu tăng trưởng Khu vực I (nông, lâm, thủy sản) đạt từ 4,2% trở lên:

- *Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan:*

+ Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp về phát triển nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới (NTM) và quá trình đô thị hóa. Chuyển đổi mạnh mẽ tư duy sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp, khơi dậy mọi tiềm năng và nguồn lực. Thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, đặc biệt là chế biến nông sản và phát triển thị trường tiêu thụ trong nước và xuất khẩu. Tập trung thực hiện có hiệu quả các đề án, dự án: Đề án Cắt vụ, chuyển đổi mùa vụ và cơ cấu cây trồng; Đề án phát triển cây thanh long; Đề án phát triển cây sầu riêng; Đề án chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi khu vực phía Bắc Quốc lộ 1 và các dự án xây dựng chuỗi liên kết sản xuất - tiêu thụ các nông sản chủ lực, như: Thanh long, sầu riêng, xoài cát Hòa Lộc, sản phẩm chim cút và gà ác; ưu tiên phát triển sản phẩm OCOP gắn với thương hiệu sản phẩm, phát triển dịch vụ du lịch nông thôn. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát việc quản lý mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói; phát triển nông nghiệp sạch, hữu cơ; ứng dụng công nghệ cao nhằm tăng năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh; thúc đẩy mạnh mẽ chuyển đổi số trong nông

nghiệp. Bố trí nguồn lực đầu tư các xã, huyện đạt chuẩn NTM theo quy định để ra mắt tỉnh Tiền Giang hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM năm 2025.

+ Phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương sớm triển khai các dự án phòng chống hạn mặn, các công ngăn mặn, các dự án sạt lở, đê biển Gò Công; sớm triển khai di dời Cảng cá Mỹ Tho.

2.3. Thực hiện mục tiêu tăng trưởng Khu vực II (Công nghiệp, Xây dựng) đạt từ 12,5% trở lên:

- *Giao Sở Công Thương, Ban Quản lý các Khu công nghiệp chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan:*

+ Phân đầu tăng trưởng ngành công nghiệp từ **11,8%** trở lên (Chỉ số sản xuất công nghiệp - IIP tăng từ 13,5% - 14%); tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp môi trường, công nghiệp dược, các dự án khuyến công trên địa bàn tỉnh..., gắn với tăng cường kêu gọi đầu tư các dự án sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh; xác định rõ ngành chủ lực, ngành mũi nhọn trong phát triển kinh tế của tỉnh. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng kết cấu hạ tầng các khu công nghiệp (KCN), cụm công nghiệp (CCN) đã được phê duyệt để tạo quỹ đất công nghiệp thu hút đầu tư, nhất là: KCN Tân Phước 1, KCN Bình Đông, KCN Dịch vụ dầu khí Soài Rạp, CCN Thạnh Tân, CCN Gia Thuận 2, các CCN Mỹ Phước Tây, Long Trung, Mỹ Phước 1, Long Bình, Vĩnh Hựu, Mỹ Lợi, Phú Thạnh,... Phân đầu thu hút vào KCN được 90 triệu USD, cho 02 dự án FDI là 20 triệu USD, điều chỉnh tăng vốn đầu tư cho 06 dự án FDI 70 triệu USD. Hỗ trợ, triển khai nhanh các dự án đầu tư ngoài KCN như: Nhà máy Công ty TNHH Nova Ecotec, vốn đầu tư 13,5 tỷ đồng; Công ty TNHH thực phẩm Sinfo Việt Nam, vốn đầu tư 63,7 tỷ đồng; một số dự án điều chỉnh tăng công suất và vốn đầu tư: Công ty TNHH Green TG tăng vốn 43 tỷ đồng; Công ty TNHH dầu ăn UNI-BRAN tăng vốn 30 tỷ đồng; Công ty TNHH Leow Việt Nam tăng vốn 23 tỷ đồng; Công ty TNHH Giày Apache Việt Nam tăng vốn 660 tỷ đồng; Nhà máy Sản phẩm kim loại United Brothers tăng vốn 71 tỷ đồng; Công ty TNHH Đồng Jintian Việt Nam tăng vốn 199 tỷ đồng; Nhà máy Công ty TNHH Global Running tăng vốn 678 tỷ đồng; Công ty TNHH Khoa học Công nghệ Hua Chang Vina tăng vốn 237 tỷ đồng,...

+ Tiếp tục theo dõi, đôn đốc việc thực hiện đầu tư các công trình lưới điện theo Quy hoạch đã được phê duyệt nhằm đảm bảo cung cấp điện đầy đủ và ổn định cho các KCN, CCN, dự án trọng điểm của tỉnh, cho sản xuất, kinh doanh và sinh hoạt của Nhân dân trên địa bàn tỉnh. Dự kiến trong năm 2025 hoàn thành các công trình sau: nâng công suất trạm biến áp 110kV Mỹ Tho từ 25MVA lên 40MVA (tổng vốn khoảng 48,2 tỷ đồng); nâng công suất trạm biến áp 110kV Gò Công từ 2x40MVA lên 40+63MVA (tổng vốn khoảng 30,3 tỷ đồng); nâng công suất trạm biến áp 110kV Mỹ Tho 2 từ 40+63MVA lên 2x63MVA (tổng vốn khoảng 25,2 tỷ đồng),...

+ Đẩy nhanh tiến độ lập, trình duyệt chủ trương đầu tư làm cơ sở để cơ quan chuyên môn tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án Khu công nghiệp Soài Rạp; chủ trì, phối hợp với UBND huyện Gò Công Tây, UBND huyện Tân Phước, UBND thị xã Cai Lậy, UBND thành phố Gò Công,

UBND huyện Tân Phú Đông tổ chức lựa chọn chủ đầu tư các dự án: CCN Mỹ Phước Tây, CCN Mỹ Lợi, CCN Long Bình, CCN Vĩnh Hựu, CCN Phú Thạnh; phối hợp với các địa phương hỗ trợ nhà đầu tư trong công tác giải phóng mặt bằng đối với CCN Gia Thuận 2, CNN Thanh Tân, CCN Mỹ Phước Tây.

- Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan:

Tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất để mời gọi đầu tư các dự án: CCN Mỹ Phước 1; Khu đất mời gọi đầu tư nhà máy chế biến nông sản và dịch vụ phục vụ sản xuất chế biến nông sản (thửa đất số 1867, tờ bản đồ địa chính số 2 tại ấp Long Hòa B, xã Long Định, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang); Khu đất mời gọi đầu tư nhà máy chế biến nông sản và dịch vụ phục vụ sản xuất chế biến nông sản (thửa đất số 1868, tờ bản đồ địa chính số 2 tại ấp Long Hòa B, xã Long Định, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang); Khu đất mời gọi đầu tư nhà máy chế biến nông sản và dịch vụ phục vụ sản xuất chế biến nông sản (thửa đất số 2834, tờ bản đồ địa chính số 1 tại ấp 7, xã Tam Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang); Dự án tại thửa đất số 537, tờ bản đồ số 11 tại CCN Tân Mỹ Chánh.

- Giao Ban Quản lý các Khu công nghiệp chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan:

Tập trung mời gọi đầu tư để lấp đầy KCN Long Giang. Hỗ trợ Công ty phát triển KCN Long Giang đẩy nhanh tiến độ đầu tư công và hàng rào khu công nghiệp để đảm bảo tình hình an ninh trật tự KCN.

- Giao UBND thành phố Gò Công, UBND huyện Tân Phước chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan:

Đẩy nhanh tiến độ thu hồi đất, giải phóng mặt bằng dự án KCN Bình Đông, KCN Tân Phước 1.

- Giao UBND huyện Tân Phước chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan:

Đăng ký bổ sung vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, đảm bảo hồ sơ, thủ tục trình phê duyệt chủ trương đầu tư CCN Mỹ Phước 1, CCN Mỹ Phước 2, CCN Mỹ Phước 3.

- Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan:

+ Phân đầu tăng trưởng ngành xây dựng đạt từ **15,5%** trở lên. Huy động hiệu quả các nguồn vốn bố trí đầu tư công, lấy đầu tư công dẫn dắt đầu tư tư. Tập trung quyết liệt cho công tác giải phóng mặt bằng, thủ tục đầu tư, đấu thầu,... để sớm khởi công, giải ngân vốn đầu tư công đảm bảo giải ngân mỗi quý trên 24% và cả năm đạt trên 98% kế hoạch.

+ Tập trung triển khai các dự án Dự án thành phần 2 thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Cao Lãnh - An Hữu, giai đoạn 1; Đường tỉnh 864 (Đường dọc sông Tiền); Đường giao thông hai bên bờ sông Bảo Định. Tập trung hoàn tất thủ tục chuẩn bị đầu tư dự án Đường tỉnh 877C, tuyến đường bộ ven biển,

trục giao thông đô thị, đường Hùng Vương (nối dài), Đường tỉnh 878 (giai đoạn 2). Mời gọi đầu tư tuyến xe buýt chất lượng cao, từng bước chuyển sang năng lượng điện; có chính sách hỗ trợ, phát triển hành khách công cộng. Ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số vào kinh doanh vận tải; khởi công xây dựng Cảng biển tổng hợp trên sông Soài Rạp, quan tâm phát triển hạ tầng thủy lợi, cấp nước...

+ Hỗ trợ Nhà đầu tư triển khai ngay 18 dự án FDI, DDI mới với tổng vốn 10.336 tỷ đồng; 14 dự án tăng vốn 312 triệu USD, 10.000 tỷ đồng thu hút được trong năm 2024 (*Theo Phụ lục 2*); thực hiện có hiệu quả các thể chế, giải pháp để thu hút đầu tư đạt mục tiêu năm 2025 thêm 22 dự án mới với tổng vốn 18.000 tỷ đồng (*Theo Phụ lục 3*). Hỗ trợ Nhà đầu tư hoàn thành 12 công trình/dự án đi vào hoạt động trong KCN với tổng mức đầu tư 6.650 tỷ đồng (*Theo Phụ lục 4*).

+ Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, thủ tục chuẩn bị đầu tư, hồ sơ đầu tư và phối hợp chặt chẽ Bộ, ngành Trung ương để sớm triển khai ngay khi nguồn vốn ngân sách Trung ương bổ sung năm 2025 phân bổ cho tỉnh là 3.015 tỷ đồng.

2.4. Thực hiện mục tiêu tăng trưởng Khu vực III (Dịch vụ) đạt từ 8,3% trở lên:

- *Giao Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan:*

Triển khai các hoạt động kết nối cung cầu và xúc tiến thương mại thị trường trong nước; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 96,5 nghìn tỷ đồng, tăng 10,4% so với năm 2024. Hỗ trợ doanh nghiệp đáp ứng tiêu chuẩn mới của thị trường xuất khẩu, hỗ trợ doanh nghiệp xuất nhập khẩu đáp ứng các tiêu chí “luồng xanh”; phân đầu tổng kim ngạch xuất khẩu đạt trên 7,0 tỷ USD. Hỗ trợ mở rộng quy mô, đầu tư, nâng cấp các dự án hạ tầng thương mại trên địa bàn các huyện, thành phố, thị xã; hỗ trợ Nhà đầu tư khởi công dự án Trung tâm Thương mại tại Quảng trường Hùng Vương.

- *Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan:*

Tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất để mời gọi đầu tư các dự án: Khu thương mại, dịch vụ phường 6, thành phố Mỹ Tho; Dự án Thương mại, dịch vụ tại số 19A, đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 4, thành phố Mỹ Tho; Dự án Thương mại, dịch vụ tại số 17, đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 4, thành phố Mỹ Tho; Dự án Thương mại, dịch vụ tại số 04 Lê Lợi, Phường 1, thành phố Mỹ Tho. Đẩy nhanh việc đấu giá tài sản các trụ sở cơ quan để có nguồn vốn tái đầu tư,... đóng góp thêm vào tăng trưởng của tỉnh.

- *Giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan:*

Tập trung tháo gỡ khó khăn cho các dự án bất động sản: Khu dân cư nông thôn mới Vĩnh Kim, Khu dân cư An Hòa, Khu đô thị Nguyễn Trọng Hợp, Đường Trương Định và khu dân cư hai bên đường giai đoạn 3, các dự án nhà ở xã hội.

- *Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp Sở Tài chính, các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan:*

+ Đưa phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo là nhiệm vụ trọng tâm; đẩy mạnh chuyển đổi số với ba trụ cột: Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số. Đầu tư cơ sở vật chất, thúc đẩy nghiên cứu, triển khai và hội nhập thị trường khoa học, công nghệ trong nước và quốc tế. Ưu tiên bố trí ngân sách cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; thúc đẩy chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và phát triển kinh tế tuần hoàn, phát triển công nghệ sinh học, công nghệ cao bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu. Tăng nhanh tỷ trọng đóng góp của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

+ Tăng cường ứng dụng công nghệ số, xây dựng chính quyền số, xã hội số và kinh tế số; hình thành các doanh nghiệp công nghệ số có sức cạnh tranh trên thị trường. Phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng số, mạng kết nối vạn vật liên thông, đồng bộ, hiện đại nhằm phục vụ chuyển đổi số toàn diện, phát triển kinh tế số, xã hội số, chính quyền số; xây dựng và phát triển Trung tâm tích hợp dữ liệu theo công nghệ điện toán đám mây, nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu dùng chung, tạo nền tảng cho phát triển chính quyền điện tử đồng bộ theo khung kiến trúc Chính phủ điện tử quốc gia.

+ Phát triển mạng lưới hạ tầng viễn thông, chú trọng nâng cao chất lượng mạng di động băng thông rộng. Xây dựng cơ sở dữ liệu các ngành, lĩnh vực và tích hợp vào kho dữ liệu dùng chung của tỉnh theo Chương trình chuyển đổi số quốc gia. Phát triển mạng lưới Hạ tầng viễn thông, nâng cao chất lượng mạng di động băng tần rộng phủ sóng dân số, kết hợp đầu tư, nâng cấp các công trình hạ tầng ngầm, ngầm hóa hạ tầng ngoại vi. Hình thành và phát triển môi trường số an toàn, tiện ích phục vụ phát triển bền vững.

- *Giao Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan:*

Tập trung đầu tư kết cấu hạ tầng, thu hút các dự án du lịch ở Tân Thành, Côn Ngang,...; xây dựng danh mục dự án mời gọi đầu tư khả thi tại 04 trung tâm du lịch chính như: Khu du lịch Cái Bè, khu du lịch cù lao Thới Sơn, khu du lịch biển Tân Thành và khu bảo tồn sinh thái Đồng Tháp Mười,... để làm điểm đột phá, tạo điểm nhấn phát triển ngành du lịch. Tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án, như: Khu du lịch Hương Biển (Khu du lịch biển Tân Thành), Khu du lịch sinh thái Bình An, Khu đón tiếp đường bộ,... Tăng cường xúc tiến, quảng bá du lịch, các sự kiện lễ hội; đăng cai tổ chức nhiều giải thể thao cấp khu vực, quốc gia nhằm thu hút khách đến tỉnh, góp phần tăng trưởng thương mại dịch vụ của tỉnh.

2.5. Các địa phương phấn đấu đạt cao nhất các chỉ tiêu kinh tế - xã hội phù hợp theo mục tiêu tăng trưởng GRDP (theo giá so sánh 2010) của tỉnh đạt từ 8% trở lên, nhất là chỉ tiêu giá trị sản xuất

- *Giao UBND cấp huyện chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan:*

+ Rà soát, điều chỉnh các chỉ tiêu kinh tế - xã hội phù hợp theo mục tiêu tăng trưởng GRDP (theo giá so sánh 2010) của tỉnh đạt từ 8% trở lên; nhất là phải quyết tâm đạt cao nhất chỉ tiêu giá trị sản xuất (theo Phụ lục 5)

+ Thực hiện đạt và vượt mục tiêu về phát triển doanh nghiệp được giao.

+ Sử dụng nguồn vốn đầu tư công hiệu quả, đóng vai trò hỗ trợ, dẫn dắt để thu hút tối đa nguồn lực đầu tư ngoài nhà nước; trong đó, ưu tiên nguồn vốn ngân sách địa phương và nguồn vốn trung ương hỗ trợ, vốn tín dụng ưu đãi để đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, triển khai các dự án kết cấu hạ tầng giao thông trọng tâm, trọng điểm có tính lan tỏa và kết nối, liên kết vùng. Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án; có chế tài xử lý các dự án chậm triển khai thực hiện.

+ Triển khai hiệu quả các chính sách khuyến khích, ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh. Đổi mới, tăng cường công tác xúc tiến đầu tư. Thực hiện tốt Chương trình xúc tiến đầu tư hàng năm nhằm thu hút làn sóng đầu tư mới có chất lượng để phát triển mạnh các lĩnh vực: kinh tế biển, công nghiệp, dịch vụ, đô thị, chế biến nông sản mà tỉnh có lợi thế cạnh tranh. Xúc tiến mời gọi đầu tư 04 trung tâm logistics gồm: 01 tại huyện Gò Công Đông quy mô khoảng 15 ha; 01 tại huyện Tân Phước quy mô khoảng 20 ha; 01 tại huyện Cái Bè quy mô khoảng 30 ha và 01 tại thành phố Mỹ Tho quy mô từ 10 - 20 ha. Phát triển thêm một số trung tâm logistics dọc các tuyến đường bộ và đường thủy quan trọng nằm trên địa bàn.

+ Đẩy mạnh cải cách hành chính, đổi mới, sáng tạo; nâng cao năng lực, hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành của chính quyền các cấp và chất lượng của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Tập trung đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính gắn với xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số; rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định kinh doanh nhằm tạo thuận lợi, giảm chi phí cho người dân, doanh nghiệp. Thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách nhằm thu hút và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thành phố, thị xã tham mưu UBND tỉnh tổ chức thực hiện, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp báo cáo đánh giá tiến độ thực hiện Kế hoạch này theo từng quý; đồng thời, chủ động rà soát, kịp thời trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét bổ sung, điều chỉnh Kế hoạch để phù hợp với diễn biến tình hình thực tế trên địa bàn tỉnh.

2. Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố, thị xã:

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này (cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp) xây dựng chương trình/kế hoạch/đề án của cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện theo từng quý, chậm nhất trong quý I/2025 gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh; nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách phù hợp với quy định, đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân đồng thuận triển khai thực hiện hiệu quả.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội trong tỉnh thực hiện tuyên truyền, vận động, hướng dẫn đoàn viên, hội viên và

Nhân dân tích cực tham gia thực hiện đạt mục tiêu, chỉ tiêu tại Kế hoạch này; phối hợp với cơ quan hành chính nhà nước các cấp tăng cường giám sát và đóng góp ý kiến, góp phần tạo đồng thuận trong công tác tổ chức triển khai thực hiện.

4. Đề nghị Báo Ấp Bắc, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Tiền Giang nghiên cứu thực hiện các chuyên trang, chuyên mục, chuyên đề phù hợp để cung cấp thông tin và tuyên truyền rộng rãi Kế hoạch này.

Trên đây là Kế hoạch của UBND tỉnh thực hiện chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế tỉnh Tiền Giang năm 2025 đạt từ 8% trở lên. UBND tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh và Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã nghiêm túc triển khai thực hiện./. *HL*

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các VP: TU, ĐDBQH&HĐND, UBMTTQ tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Đài PT&TH tỉnh TG, Báo Ấp Bắc;
- VPUB: CVP, các PCVP, các phòng, ban, TTPVHCC&KSTTHC;
- Lưu: VT, P.TH (Cương).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN *buc*
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Vĩnh

PHỤ LỤC 1

ƯỚC TÍNH GRDP NĂM 2025 TĂNG 8% TRỞ LÊN

Chỉ tiêu	Sơ bộ quý I	Sơ bộ quý II	Sơ bộ 6 tháng đầu năm	Sơ bộ quý III	Sơ bộ 9 tháng đầu năm	Ước tính quý IV	Ước tính Cả năm	Tăng 2024/2023 (%)	Tăng 2025/2024 (%)
	17.440.653	18.154.273	35.599.683	20.417.395	56.012.971	20.606.380	76.616.971	7,02	8,0 trở lên
Tổng giá trị tăng thêm	16.347.896	17.118.283	33.469.839	19.459.747	52.924.581	19.563.029	72.484.288	7,09	8,1
Khu vực I (Nông, Lâm, Thủy)	6.293.209	5.730.108	12.023.317	6.730.416	18.752.384	6.713.894	25.481.048	4,00	4,2
Khu vực II (Công nghiệp, Xây dựng)	4.911.928	5.936.829	10.850.761	6.702.290	17.551.973	6.337.696	23.888.319	10,37	12,5
Khu vực III (Dịch vụ)	5.142.760	5.451.345	10.595.761	6.027.041	16.620.224	6.511.438	23.114.921	7,58	8,3
Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	1.092.757	1.035.990	2.129.844	957.649	3.088.391	1.043.351	4.132.684	5,67	5,8
Phân theo ngành cấp I									
A. Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	6.293.209	5.730.108	12.023.317	6.730.416	18.752.384	6.713.894	25.481.048	4,00	4,20
B. Khai khoáng	0	0	0	0	0	0	0	0	0,00
C. Công nghiệp chế biến, chế tạo	3.908.161	4.596.276	8.504.586	5.200.880	13.703.639	4.429.919	18.115.005	9,94	11,68
D(35). Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	160.158	150.520	311.483	181.809	493.279	184.843	706.523	12,89	16,50
E. Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	113.532	112.857	226.830	101.495	328.508	120.769	440.134	8,37	9,54
F. Xây dựng	730.077	1.077.177	1.807.863	1.218.106	3.026.546	1.602.165	4.626.656	11,97	15,50
G. Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp	1.141.079	1.140.112	2.281.236	1.171.135	3.452.281	1.280.684	4.655.000	9,03	9,89
H. Vận tải kho bãi	301.130	306.398	607.566	204.830	812.766	219.903	1.127.217	15,99	18,22
I. Dịch vụ lưu trú và ăn uống	287.087	395.719	683.323	449.782	1.132.714	565.443	1.837.967	15,17	17,29
J. Thông tin và truyền thông	530.276	536.109	1.066.434	577.091	1.643.374	588.717	2.186.284	5,36	6,11
K. Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	528.165	527.444	1.055.628	736.025	1.790.897	762.399	2.603.990	5,57	10,50
L(68). Hoạt động kinh doanh bất động sản	913.342	908.562	1.821.920	1.114.951	2.936.138	1.129.503	3.963.986	4,94	5,63
M. Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	95.351	112.327	207.761	118.303	326.013	143.381	463.129	6,06	6,91
N. Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	47.292	63.977	111.349	55.895	167.244	75.752	235.471	12,43	5,00
O(84). Hoạt động của Đảng cộng sản, tổ chức chính trị- xã hội, quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng; bảo đảm xã hội bắt buộc	406.745	454.409	861.393	422.799	1.284.230	529.925	1.808.369	7,94	8,00
P(85). Giáo dục và đào tạo	409.583	452.185	861.983	596.465	1.457.848	643.020	2.099.998	7,29	8,31
Q. Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	149.661	199.477	349.376	178.239	527.606	151.327	671.626	6,27	7,15
R. Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	181.683	196.608	378.369	272.053	650.120	256.377	864.490	2,91	3,32
S. Hoạt động dịch vụ khác	137.585	143.248	280.865	116.191	397.148	149.540	541.458	6,52	7,30



Chỉ tiêu	Sơ bộ quý I	Sơ bộ quý II	Sơ bộ 6 tháng đầu năm	Sơ bộ quý III	Sơ bộ 9 tháng đầu năm	Ước tính quý IV	Ước tính Cả năm	Tăng 2024/2023 (%)	Tăng 2025/2024 (%)
T. Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	13.782	14.770	28.558	13.284	41.845	15.467	55.936	5,03	5,73
U(99). Hoạt động của các tổ chức và cơ quan quốc tế	0	0	0	0	0	0	0		0,00

PHỤ LỤC 2
DANH MỤC DỰ ÁN THU HÚT ĐẦU TƯ NĂM 2024

Số TT	QĐ CTĐĐT/ QĐ LCNĐT/ GCN ĐKĐT			Nhà đầu tư	Tên dự án	Ngành, lĩnh vực	Mục tiêu	Vốn đầu tư		Diện tích/ Quy mô	Địa điểm thực hiện dự án	Quốc gia	Vùng	Ghi chú
	Mã số	Ngày cấp	Kết quả					Triệu USD	Tỷ đồng					
I. Trong nước năm 2024														
1	201/QĐ-UBND	20/02/2024	Đầu giá QSDĐ	Công ty TNHH Fanta 4	Nhà máy chế biến nông sản	Công nghiệp chế biến chế tạo	Xây dựng nhà máy chế biến các sản phẩm nông nghiệp		99,39	21988,3 m2	xã Long Bình, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang	Việt Nam	Đông	T2
2	946/QĐ-UBND	23/05/2024	QĐ chủ trương đầu tư	Công ty TNHH Chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang	Xưởng bột cá Vạn Đức Tiền Giang	Công nghiệp chế biến chế tạo	Chế biến thủy hải sản, thực phẩm đông lạnh		170,20	9.016,7 m2	xã Song Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang	Việt Nam	Trung tâm	T5
3	471/QĐ-TTg	31/05/2024	QĐ chủ trương đầu tư	Công ty cổ phần IDICO Tiền Giang	Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Tân Phước 1	Kinh doanh bất động sản	Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp		5.936,50	470 ha	xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	Việt Nam	Tây	T5
4	2036/QĐ-UBND	20/09/2024	QĐ chủ trương đầu tư	Công ty cổ phần Hoàng Hải	Dự án Đầu tư khai thác mỏ cát san lấp Hòa Hưng-5, xã Hòa Hưng, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang	Khai khoáng	Khai thác cát san lấp và khoáng sản phụ đi kèm		4,51	13,59 ha	Mỏ Hòa Hưng - 5, xã Hòa Hưng, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang	Việt Nam	Tây	T9
5	5849/UBND-TH	17/09/2024	Văn bản chấp thuận	Công ty cổ phần đầu tư sản xuất Năng Lượng Xanh	Dự án cung cấp hơi nước bão hòa cho Chi nhánh số 2 Công ty TNHH Nhà máy bia Heineken Việt Nam – Tiền Giang	Công nghiệp chế biến chế tạo	Cung cấp nước nóng, hơi nước bão hòa được sản xuất từ lò hơi sử dụng nhiên liệu sinh khối		40,00	850 m2	Khu công nghiệp Mỹ Tho, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang (Thuê nhà xưởng và các công trình phụ trợ của Công ty Cổ phần Cảng Mỹ Tho)	Việt Nam	Trung tâm	T9
6	2383/QĐ-UBND	24/10/2024	QĐ chủ trương đầu tư	Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Tiền Giang	Dự án Khai thác cát lòng sông Tiền tại mỏ cát Hòa Khánh-1, xã Hòa Khánh, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang	Khai khoáng	Khai thác cát để phục vụ cho các công trình giao thông trọng điểm quốc gia và các công trình quan trọng của tỉnh		11,44	14,88 ha	Mỏ Hòa Khánh-1, xã Hòa Khánh, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.	Việt Nam	Tây	T10
7	2382/QĐ-UBND	24/10/2024	QĐ chủ trương đầu tư	Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Tiền Giang	Dự án Khai thác cát lòng sông Tiền tại mỏ Vàm Cái Thia, xã Mỹ Lương và xã Hòa Khánh, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.	Khai khoáng	Khai thác cát để phục vụ cho các công trình giao thông trọng điểm quốc gia và các công trình quan trọng của tỉnh		11,50	16,63 ha	Mỏ Vàm Cái Thia, xã Mỹ Lương, xã Hòa Khánh, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang	Việt Nam	Tây	T10

Số TT	QĐ CTĐT/ QĐ LCNĐT/ GCN ĐKĐT			Nhà đầu tư	Tên dự án	Ngành, lĩnh vực	Mục tiêu	Vốn đầu tư		Diện tích/ Quy mô	Địa điểm thực hiện dự án	Quốc gia	Vùng	Ghi chú
	Mã số	Ngày cấp	Kết quả					Triệu USD	Tỷ đồng					
8	2357/QĐ-UBND	22/10/2024	QĐ chủ trương đầu tư	Tổng Công ty Điện lực Miền Nam - TNHH	Lộ ra 110kV trạm (TBA) 220kV Gò Công	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	Truyền tải và phân phối điện		98,79	5.404m ²	xã Thành Công, huyện Gò Công Tây và xã Bình Xuân, phường Long Chánh, Thành phố Gò Công.	Việt Nam	Đông	T10
9	2639/QĐ-UBND	11/11/2024	QĐ chủ trương đầu tư	Công ty TNHH MTV Như Nga	Chung cư cao tầng Northwest City	Kinh doanh bất động sản	1		799,00	8.420,4 m ²	khu phố Trung Lương, phường 10, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.	Việt Nam	Trung tâm	T11
10	2640/QĐ-UBND	11/11/2024	QĐ chủ trương đầu tư	Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia	Trạm biến áp 220kV Tân Phước (Cái Bè) và đường dây đấu nối	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	Truyền tải và phân phối điện		976,99	6,37 ha	xã Tân Hòa Thành, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước và xã Tân Hương, xã Tân Hội Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang	Việt Nam	Phía Tây	T11
11	2963/QĐ-UBND	03/12/2024	Đấu giá QSDĐ	Công ty cổ phần tập đoàn đầu tư Tây Bắc	Trung tâm thương mại dịch vụ tỉnh Tiền Giang (thuộc Quảng trường trung tâm tỉnh Tiền Giang)	Thương mại dịch vụ; Kinh doanh bất động sản	Xây dựng Khu Tổ hợp Trung tâm thương mại, khách sạn và nhà ở thương mại kết hợp kinh doanh với kiến trúc hiện đại		1.384,67	30663,7 m ²	xã Đạo Thạnh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	Việt Nam	Trung tâm	T12
II. Nước ngoài năm 2024								32,80	802,07					
1	3278421440	08/01/2024	GCN ĐKĐT	Tas Shing International PTE.LTD	Nhà máy phụ kiện ống thép Vintech VN	Công nghiệp chế biến chế tạo	Sản xuất phụ kiện ống thép	10	244,10	Diện tích mặt đất: 20.001,6 m ²	Lô 98A KCN Long Giang, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	Singapore	Tây	T1
2	3246044515	04/01/2024	GCN ĐKĐT	Green One Co.,Ltd	Nhà máy sản xuất Green One Vina	Công nghiệp chế biến chế tạo	Sản xuất hợp kim từ kim loại màu	10	241,80	Diện tích mặt đất: 30.001,2 m ²	Lô 103 A2 KCN Long Giang, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	Hàn Quốc	Tây	T1
3	3210724480	11/06/2024	GCN ĐKĐT	HG GLOBAL CO., LIMITED	Nhà máy Công ty TNHH TOPKNIT GROUP.	Công nghiệp chế biến chế tạo	Sản xuất, gia công trang phục dệt kim, đan móc, áo len; hàng may mặc các loại.	4	96,43	Diện tích mặt đất: 48.450 m ²	Lô 100, 101 KCN Long Giang, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	Hongkong	Tây	T6

Số TT	QĐ CTĐT/ QĐ LCNĐT/ GCN ĐKĐT			Nhà đầu tư	Tên dự án	Ngành, lĩnh vực	Mục tiêu	Vốn đầu tư		Diện tích/ Quy mô	Địa điểm thực hiện dự án	Quốc gia	Vùng	Ghi chú
	Mã số	Ngày cấp	Kết quả					Triệu USD	Tỷ đồng					
4	669/QĐ-UBND	05/07/2024	Đầu giá QSĐĐ	Công ty Cổ phần Espace Business Huế	Siêu thị huyện Gò Công Tây	Thương mại dịch vụ	Xây dựng mô hình siêu thị hạng 2, đáp ứng nhu cầu mua sắm, vui chơi giải trí cho cộng đồng. Nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng gia tăng của người tiêu dùng	2,142	54,00	Diện tích mặt đất: 3.694,8 m2	Khu phố 5, thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang	Thái Lan	Đông	T7
5	7682054477	25/07/2024	GCN ĐKĐT	Công ty TNHH Nova Ecotec	Nhà máy Công ty TNHH Nova Ecotec	Công nghiệp chế biến chế tạo	Sản xuất, gia công sản xuất nhãn mác logo từ chất liệu TPU cho ngành giày và may mặc; In ấn nhãn mác logo từ chất liệu TPU cho ngành giày và may mặc	0,555	13,46	Diện tích mặt đất: 3.596,3 m2	Cụm công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp Tân Mỹ Chánh	Đài Loan	Trung tâm	T7
6	9843582403	21/10/2024	GCN ĐKĐT	Công ty TNHH thực phẩm Nantong Sinfo	Công ty TNHH thực phẩm Sinfo Việt Nam	Công nghiệp chế biến chế tạo	Chế biến và sản xuất rong biển sấy khô	2,5	63,65	Diện tích mặt đất: 5.200 m2	Lô D06B Cụm Công nghiệp Gia Thuận 1, xã Gia Thuận, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang	Trung Quốc	Đông	T10
7	7665525468	18/12/2024	GCN ĐKĐT	Cousins (Hongkong) Industrial Limited	Nhà máy thực nghiệp Cousins Việt Nam	Công nghiệp chế biến chế tạo	Sản xuất, gia công linh phụ kiện nhựa, túi nhựa.	3,6	88,63	Diện tích mặt đất: 7.543,22 m2	Lô 72B KCN Long Giang	Hongkong	Tây	T12
Tổng (Trong nước, Nước ngoài) năm 2024									10.335,06					

PHỤ LỤC 2
DANH MỤC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH TĂNG VỐN NĂM 2024

Số TT	QĐ CTDĐT/ QĐ LCNĐT/ GCN ĐKĐT			Tên doanh nghiệp	Tên dự án	Nội dung điều chỉnh	Ngày điều chỉnh	Tổng vốn trước điều chỉnh		Tổng vốn sau điều chỉnh		Tổng vốn điều chỉnh		Ghi chú	Tháng	Quốc gia
	Mã số	Ngày cấp lần đầu	Vị trí					Tr USD	Tỷ VND	Tr USD	Tỷ VND	Tr USD	Tỷ VND			
1	9870270867	28/03/2013	Áp Hòa Bình, xã Bình Nghi, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang	Công ty TNHH Một Thành viên Nichirei Suco Việt Nam	Nhà máy chế biến trái cây Nichirei Suco Việt Nam	Tăng vốn đầu tư	31/01/2024	4,6	90,00	6,2	130,00	1,60	40,00	FDI	1	Nhật Bản
2	6544485368	08/08/2013	Lô AIII-11, KCN Tân Hương, xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang	Công ty TNHH Green TG	Công ty TNHH Green TG	Tăng vốn đầu tư	20/12/2023	10,00	218,00	12,00	261,00	2,00	43,00	FDI (Cập nhật 2023)	1	Hàn Quốc
3	405/QĐ-UBND	12/09/2021	Xã Trung An, thành phố Mỹ Tho	Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Tiền Giang	Đường D7 và Khu dân cư 02 bên đường	Tăng vốn đầu tư	13/03/2024		300,00		526,00		226,00	DDI	3	Việt Nam
4	6572277637	02/06/2011	Lô 27A, 28A, KCN Long Giang, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	Công ty TNHH đầu ăn Uni-Bran	Công ty TNHH đầu ăn UNI-BRAN	Tăng vốn đầu tư	09/04/2024	4,65	100,00	6,04	130,00	1,39	30,00	FDI	4	Singapore
5	4335464303	10/09/2015	Lô 23A, KCN Long Giang, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	Công ty TNHH Leow Việt Nam	Công ty TNHH Leow Việt Nam	Tăng vốn đầu tư	12/04/2024	7,00	162,00	8,00	185,00	1,00	23,00	FDI	4	Hongkong
6	1061444635	24/11/2014	Lô 71A, 72A, 78A, 79, 102, 103A, 127B, 128A, 128B, 128C KCN Long Giang, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	Công ty TNHH Giày Apache Việt Nam	Công ty TNHH Giày Apache Việt Nam	Tăng vốn đầu tư	23/04/2024	110,00	2.590,00	138,00	3.250,00	28,00	660,00	FDI	4	Hongkong
7	7614477554	20/10/2022	Lô 71A, 72A, 78A, 79, 102, 103A, 127B, 128A, 128B, 128C KCN Long Giang, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	Công ty TNHH Sản phẩm kim loại United Brothers	Nhà máy Sản phẩm kim loại United Brothers	Tăng vốn đầu tư	05/06/2024	2,00	50,00	5,00	121,26	3,00	71,00	FDI	T6	Canada

Số TT	QB CTĐT/ QĐ LCNĐT/ GCN ĐKĐT			Tên doanh nghiệp	Tên dự án	Nội dung điều chỉnh	Ngày điều chỉnh	Tổng vốn trước điều chỉnh		Tổng vốn sau điều chỉnh		Tổng vốn điều chỉnh		Ghi chú	Tháng	Quốc gia
	Mã số	Ngày cấp lần đầu	Vị trí					Tr USD	Tỷ VND	Tr USD	Tỷ VND	Tr USD	Tỷ VND			
8	6540538183	17/03/2017	Lô 110A1, 110B, 110C, 110D KCN Long Giang, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	Công ty TNHH Đồng Jintian Việt Nam	Công ty TNHH Đồng Jintian Việt Nam	Tăng vốn đầu tư	06/06/2024	41,58	983,10	50,00	1.182,10	8,42	199,00	FDI	T6	Trung Quốc
9	9922766339	29/01/2019	Lô 105, 106, 107, 108, 109A, 109B, 109C, 109D, 110A2 Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.	Công ty TNHH LỚP ADVANCE VIỆT NAM.	NHÀ MÁY LỚP ADVANCE VIỆT NAM	Tăng vốn đầu tư	17/09/2024	387,39	8.871,12	615,15	14.683,73	227,76	5.812,62	FDI	T9	Trung Quốc
10	1095968737	23/03/2020	Lô 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26 Cụm công nghiệp Gia Thuận, xã Gia Thuận, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang	Công ty TNHH Global Running	Nhà máy Công ty TNHH Global Running	Tăng vốn đầu tư	30/09/2024	50,00	1.155,50	77,00	1.833,61	27,00	678,11	FDI	T9	Quần đảo Virgin thuộc Anh
11	4373226847	15/10/2025	Lô 76B, 77A, 77B Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	KEYI (FUJIAN) MICROFIBER CO., LIMITED	CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ HUA CHANG VINA	Tăng vốn đầu tư	11/10/2024	16,12	350,93	25,12	588,63	9,00	237,70	FDI	T10	Trung Quốc
12	3499/QĐ-UBND	23/12/2024	xã Đạo Thạnh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	Công ty cổ phần Him Lam và Công ty TNHH Thuận Phú	Khu dân cư An Hòa, thành phố Mỹ Tho	Tăng vốn đầu tư	23/12/2024		690,77		2.172,81		1.482,03	DDI	T12	Việt Nam
13	3287245828	29/04/2016	Lô 129, 130, 131A Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	WUHAN JUNHUA TRADE CO., LTD	Công ty TNHH Nhôm Vĩnh Hưng Việt Nam	Tăng vốn đầu tư	24/12/2024	30,00	669,90	32,00	739,36	2,00	69,46	FDI	T12	Trung Quốc
14	8227531001	14/03/2007	Lô BII-8, BII-5 KCN Tân Hương, xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang	CÔNG TY CỔ PHẦN TEX-GIANG	XÂY DỰNG NHÀ MÁY SẢN XUẤT HÀNG MAY MẶC		17/12/2024		90,00		516,40		426,40	DDI	T12	Việt Nam
Tổng vốn tăng năm 2024												311,17	9.998,31			

PHỤ LỤC 3

Các dự án dự kiến thu hút trong năm 2025

(Không tính các dự án khai thác cát và các dự án Trạm điện và đường dây đầu nối)

1. Điện gió Tân Thành;
2. Dự án nhà ở xã hội đường Nguyễn Trãi;
3. Dự án nhà ở xã hội Nguyễn Trọng Dân,
Dự án Thương mại, dịch vụ tại số 19A, đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 4, thành phố Mỹ Tho;
4. Dự án Thương mại, dịch vụ tại số 17, đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 4, thành phố Mỹ Tho;
5. Dự án Thương mại, dịch vụ tại số 04 Lê Lợi, Phường 1, thành phố Mỹ Tho;
6. Khu nhà ở xã hội Nguyễn Tri Phương, thành phố Mỹ Tho;
- 7-10. 03 Dự án Khu đất mời gọi đầu tư nhà máy chế biến nông sản và dịch vụ phục vụ sản xuất chế biến nông sản huyện Châu Thành;
11. Khu đô thị Đông Bắc thành phố Mỹ Tho;
12. Nhà máy xử lý rác Tân Lập 1;
13. Trung tâm thương mại, dịch vụ, khách sạn Sông Tiền tại thành phố Mỹ Tho;
14. Khu thương mại, dịch vụ phường 6, thành phố Mỹ Tho;
15. Khu du lịch - Nhà hàng - Khách sạn tại bờ kè sông Tiền, thành phố Mỹ Tho
16. Siêu thị Tân Hương;
17. Trung tâm tổ chức sự kiện, hội nghị, nhà hàng, khách sạn thị xã Cai Lậy;
18. Siêu thị thị xã Cai Lậy;
19. Chợ và khu phố chợ Tân Lập 1;
- 20-22. Các dự án đầu tư trong Khu, Cụm công nghiệp.

PHỤ LỤC 4
NĂNG LỰC MỚI TĂNG CỦA CÁC DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH
HOÀN THÀNH/DỰ KIẾN HOÀN THÀNH TRONG NĂM 2025 TẠI CÁC KHU CÔNG NGHIỆP

STT	Tên dự án/công trình	Mã ngành đầu tư (VSIC 2018 cấp 2)	Tên chủ đầu tư/ Ban quản lý dự án	Mã chủ đầu tư (1: Nhà nước; 2: Ngoài nhà nước; 3: FDI)	Thời gian khởi công		Thời gian hoàn thành/dự kiến hoàn thành		Tổng mức đầu tư (Triệu đồng)	Năng lực mới tăng		Ghi chú
					Tháng	Năm	Tháng	Năm		Năng lực/công suất thiết kế	Đơn vị tính	
A	B	C	D	E	F	G	H	I	J	K	L	M
1	Công ty TNHH Giày Apache Việt Nam (Giai đoạn 3: Nhà xưởng 1, Nhà xưởng 2, Xưởng gia công, Nhà làm việc nhân viên, Nhà hội nghị, Công trình phụ trợ)	15	Công ty TNHH Giày Apache Việt Nam	3	1	2024	3	2025	565.000	37.060	m2	
2	Nhà máy lớp Advance Việt Nam (Giai đoạn 2: Nhà xưởng, phòng thí nghiệm)	22	Công ty TNHH Lớp Advance Việt Nam	3	1	2024	3	2025	2.640.000	25.149	m2	
3	Nhà máy sản xuất chế biến nông thủy sản xuất khẩu Thuận Phong 2	10	Công ty TNHH Sản xuất chế biến nông thủy sản xuất khẩu Thuận Phong	2	2	2023	4	2025	220.000	13.712	m2	
4	Công ty TNHH Công nghiệp Bellinturf Việt Nam (Giai đoạn 3)	22	Công ty TNHH Công nghiệp Bellinturf Việt Nam	3	3	2023	1	2025	1.149.000	100.000	m2	
5	Nhà máy công nghiệp đồng Jinhong Việt Nam (Giai đoạn 2)	22, 25	Công ty TNHH Công nghiệp đồng Jinhong Việt Nam	3	4	2024	6	2025	88.960	10.916	m2	
6	Nhà máy sản phẩm thể thao giải trí Goleader Việt Nam (Nhà xưởng 3,4)	28, 25	Công ty TNHH Sản phẩm thể thao giải trí Goleader Việt Nam	3	3	2024	2	2025	792.200	47.489	m2	
7	Nhà máy sản phẩm thể thao giải trí Goleader Việt Nam (Nhà xưởng 2)	28, 25	Công ty TNHH Sản phẩm thể thao giải trí Goleader Việt Nam	3	3	2024	12	2025	190.000	13.376,9	m2	
8	Nhà máy sản phẩm thể thao giải trí Bestway Việt Nam (Giai đoạn 3)	32, 22	Công ty TNHH Sản phẩm thể thao giải trí Bestway Việt Nam (Xây dựng nhà xưởng GĐ 3)	3	6	2024	5	2025	540.000	46.733	m2	
9	Công ty TNHH Knitpassion	22, 14, 68	Công ty TNHH Knitpassion	3	6	2024	12	2025	77.400	33.550	m2	
10	Trung tâm điều hành KCN Long Giang	68	Công ty TNHH Phát triển KCN Long Giang	3	6	2024	6	2025	45.163	20.000	m2	
11	Nhà máy phụ kiện ống thép Vintech Việt Nam	25	Công ty TNHH Phụ kiện ống thép Vintech Việt Nam	3	3	2024	4	2025	42.290	20.000	m2	
12	Công ty TNHH Công nghiệp đồng Jintian Việt Nam	24, 25, 27	Công ty TNHH Công nghiệp đồng Jintian Việt Nam	3	7	2024	2	2025	300.652	100.000	m2	

ƯỚC GIÁ TRỊ SẢN XUẤT NĂM 2025 CỦA CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ, THỊ XÃ

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT		2024 (*)		2024 (**)		2025		Tốc độ tăng		
		Giá 2010	Giá HH	Giá 2010	Giá HH	Giá 2010	Giá HH	2024 (*)	2024 (**)	2025
	Tổng	211.406.915	359.481.362	213.285.034	362.834.675	233.541.949	404.906.789	7,84%	8,80%	9,50%
1	Thành phố Mỹ Tho	60.112.707	93.554.824	60.646.743	94.427.521	65.735.393	104.311.484	6,82%	7,77%	8,39%
2	Thành phố Gò Công	6.141.401	10.686.804	6.195.960	10.786.493	6.758.483	11.991.199	7,45%	8,41%	9,08%
3	Thị xã Cai Lậy	9.661.506	16.437.138	9.747.338	16.590.467	10.681.680	18.529.082	7,92%	8,88%	9,59%
4	Huyện Tân Phước	24.183.777	40.838.842	24.398.623	41.219.794	28.796.116	49.637.911	16,38%	17,42%	18,02%
5	Huyện Cai Bè	21.330.950	37.724.092	21.520.452	38.075.990	23.436.012	42.259.591	7,29%	8,24%	8,90%
6	Huyện Cai Lậy	13.659.119	25.082.778	13.780.465	25.316.755	14.774.854	27.663.628	5,74%	6,68%	7,22%
7	Huyện Châu Thành	43.370.538	75.778.772	43.755.838	76.485.651	47.487.920	84.599.708	6,95%	7,90%	8,53%
8	Huyện Chợ Gạo	11.290.354	20.579.777	11.390.657	20.771.749	12.258.401	22.782.421	6,11%	7,06%	7,62%
9	Huyện Gò Công Tây	6.067.421	11.026.288	6.121.324	11.129.143	6.580.680	12.193.515	6,01%	6,95%	7,50%
10	Huyện Gò Công Đông	11.565.786	20.661.206	11.668.536	20.853.938	12.640.125	23.023.156	6,76%	7,71%	8,33%
11	Huyện Tân Phú Đông	4.023.355	7.110.841	4.059.098	7.177.173	4.392.285	7.915.094	6,65%	7,60%	8,21%

Ghi chú:

(*) Cục Thống kê công bố tháng 11/2024

(**) Cục Thống kê công bố tháng 02/2025

